

PHÒNG GD&ĐT QUẾ SƠN
TRƯỜNG THCS QUẾ
THUẬN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HKI
NĂM HỌC 2023- 2024
MÔN: NGŨ VĂN - Lớp 8
Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
I	Đọc hiểu	Thơ	4		3	1		1		1	10
	Tỉ lệ điểm		2.0		1.5	1.0		1.0		0.5	60%
II	Viết	Viết bài văn nghị luận về tác phẩm thơ (Thơ trào phúng)		1*		1*		1*		1*	1
	Tỉ lệ điểm			1.0		1.5		1.0		0.5	40%
Tổng			2.0	1.0	1.5	2.5		2.0		1.0	10
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				

TỔ TRƯỞNG

GVBM

Khuong Thị Thùy Dương

Thái Thị Thanh Thủy

PHÒNG GD&ĐT QUẾ SƠN
TRƯỜNG THCS QUẾ THUẬN
BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGŨ VĂN LỚP 8
Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá
I	Đọc hiểu	Ngữ liệu: thơ thất ngôn bát cú Đường luật.	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ - Nhận biết được các biện pháp tu từ - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như: số tiếng, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết được các biện pháp tu từ.

			<p>- Nhận biết được từ Hán việt</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa của hình ảnh thơ - Hiểu được yếu tố nghệ thuật làm nên tiếng cười - Hiểu được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và giải thích hình ảnh thơ tiêu biểu trong bài - Phân tích được tác dụng và vai trò của câu hỏi tu từ - Vận dụng kiến thức từ ngữ liệu để bày tỏ tình cảm, cảm xúc và thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong văn bản.
II	Viết	Viết bài văn nghị luận về tác phẩm thơ (Thơ trào phúng)	<p>Viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm thơ (Thơ trào phúng)</p> <p>*Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ - Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. <p>*Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ. - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Diễn đạt mạch lạc, logic. <p>*Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ, vị trí, đóng góp của tác giả. <p>*Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.

(Đề gồm có 02 trang)

I/ ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

TIỀN SĨ GIẤY

Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai,
Cũng gọi ông nghề có kém ai.
Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,
Nét son điểm rõ mặt văn khôi.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?
Cái giá khoa danh ấy mới hời!
Ghế tréo, lọng xanh ngồi bảnh chọe,
Nghĩ rằng đồ thật, hóa đồ chơi!

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971

Ghi ra chữ cái chứa ý em cho là đúng nhất (từ câu 1 đến câu 7)

Câu 1. Bài thơ trên được sáng tác theo thể thơ nào?

- A. Tám chữ
B. Tự do
C. Thất ngôn tứ tuyệt
D. Thất ngôn bát cú

Câu 2. Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ: “Cũng cò, cũng biển, cũng cân đai/
Cũng gọi ông nghề có kém ai” là:

- A. So sánh
C. Câu hỏi tu từ
- B. Nhân hóa
D. Điệp ngữ

Câu 3. *Phép đối trong bài thơ “Tiến sĩ giấy” được sử dụng ở câu thơ:*

- A. câu 1,2 và 3,4
B. câu 3,4 và 5,6
C. câu 5,6 và 7,8
D. câu 7,8 và 1,2

Câu 4. Trong các từ sau, từ Hán Việt là:

- A. mảnh giấy B. giáp bảng C. bảnh chọe D. nét son

Câu 5. Hình ảnh ông “tiên sĩ giấy” trong bài thơ dùng để:

- A. mỉa mai tấm bằng tiến sĩ được làm bằng giấy
B. châm biếm những kẻ có chức, có danh nhưng lại vô dụng
C. ca ngợi những người học rộng tài cao, giúp ích cho đời
D. đã kích những người có khát vọng đỗ đạt công danh

Câu 6. Tiếng cười trong bài thơ được bộc lộ chủ yếu qua yếu tố:

- A. hình ảnh biểu tượng tiền sĩ giấy
B. từ ngữ giàu tính khẩu ngữ
C. giọng điệu nhẹ nhàng, hóm hỉnh
D. nhiều biện pháp tu từ đặc sắc

Câu 7. Thái độ, tình cảm của tác giả được bộc lộ qua bài thơ là gì?

- A. Xót xa trước sự vô nghĩa của khoa bảng, day dứt, bất lực trước thời cuộc.
B. Phê phán những kẻ làm quan mà không có tài lo cho dân, cho nước.
C. Cảm thông, chia sẻ với số phận đau khổ của người dân mất nước.

D. Tố cáo những kẻ làm vua quan mà vô trách nhiệm với đất nước.

Đọc các câu hỏi sau rồi trả lời.

Câu 8. Giải thích các lớp nghĩa của hình ảnh “Tiền sĩ giấy” trong bài thơ trên.

Câu 9. Phân tích cái hay của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong hai câu thơ sau:

Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?

Cái giá khoa danh ấy mới hời!

Câu 10. Qua bài thơ “Tiền sĩ giấy”, em rút ra được bài học gì cho bản thân trong việc học tập, thi cử?

II. VIẾT

Em hãy viết bài văn phân tích bài thơ “Tiền sĩ giấy” của Nguyễn Khuyến.

I/ ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	D	D	B	B	B	A	A
Điểm	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5

Học sinh khuyết tật thể chất làm hết phần trắc nghiệm

Học sinh khuyết tật trí não chỉ làm 4 câu nhận biết phần trắc nghiệm là đạt

Câu 8: (1.0 đ) Các lớp nghĩa của hình ảnh “ tiến sĩ giấy”

- **Gợi ý**
- Nghĩa 1: tiến sĩ giấy được gọi là ông nghề tháng tám, một thứ đồ chơi trong dịp tết trung thu của trẻ em
- Nghĩa 2: Nguyễn Khuyến châm biếm những tiến sĩ giấy hư danh, bất tài, vô dụng trong xã hội thực dân nửa phong kiến.
- **Mức 1:** trả lời đúng 2 lớp nghĩa và diễn đạt rõ ràng (1đ)
- **Mức 2:** trả lời đúng 1 lớp nghĩa diễn đạt rõ ràng (0.5đ)
- **Mức 3:** trả lời đúng 1 lớp nghĩa diễn đạt chưa rõ ràng (0.25)
- **Mức 4:** trả lời không đúng, không trả lời (0đ)
- **Học sinh khuyết tật trí não** chỉ cần nêu được lớp nghĩa 1 là đạt
- **Học sinh khuyết tật thể chất** làm đúng yêu cầu đề là đạt

Câu 9: (1.0 đ)

Câu hỏi tu từ: Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ? (0,5đ)

Gợi ý

- Là câu hỏi đặt ra không cần có câu trả lời
- Dùng để thể hiện cái nhìn, nhận định của Nguyễn Khuyến về giá trị của những tiến sĩ thời bấy giờ, mang danh tấm áo tiến sĩ nhẹ bẫng, không cần chăm chỉ đèn sách, ngày đêm nỗ lực để khoác tấm áo mà vua ban với những trách nhiệm lớn lao, cao cả."
- Thể hiện thái độ giễu cợt, mỉa mai của tác giả đối với thứ giả dối
- Là tâm trạng ngậm ngùi, chua xót buồn cho chính mình vì cái tài, cái đức lại không được xem trọng, tiền cử (0.5đ)

- **Mức 1:** trả lời được 3 trong 4 ý trên, diễn đạt rõ ràng (1đ)
- **Mức 2:** trả lời đúng 2 ý trong 4 ý trên, diễn đạt rõ ràng (0.75đ)
- **Mức 3:** trả lời đúng 1 ý, diễn đạt rõ ràng (0.5đ)
- **Mức 4:** trả lời không đúng hoặc không trả lời (0đ)

Học sinh khuyết tật trí não: chỉ cần chỉ ra câu hỏi tu từ là đạt

Học sinh khuyết tật thể chất thực hiện đảm bảo đúng yêu cầu là đạt.

Câu 10: (0.5 đ)

Học sinh nêu được những nội dung phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

- **Mức 1:** Học sinh nêu được ít nhất 2 ý phù hợp:

+ Trong học tập cần phải cố gắng hết mình, học thực chất, thi cử nghiêm túc bằng chính năng lực của mình để có thể cống hiến cho quê hương đất nước

- + Giữ gìn phẩm giá và tự trọng trong học tập, thi cử
- **Mức 2:** Học sinh nêu được 1 ý, hoặc nêu được các ý trên nhưng diễn đạt chưa thật rõ.
- **Mức 3:** không đưa ra câu trả lời, hoặc trả lời sai.
- **Học sinh khuyết tật trí não** chỉ cần trả lời 1 ý nhỏ là đạt
- **Học sinh khuyết tật thể chất** thực hiện đảm bảo đúng yêu cầu là đạt

II/ VIẾT (4.0 điểm)

Tiêu chí đánh giá	Điểm
* Yêu cầu chung: - Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài văn phân tích bài thơ trào phúng. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt mạch lạc; hạn chế mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25
* Yêu cầu cụ thể: a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	0.25
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Viết bài văn phân tích bài thơ trào phúng “Tiên Sĩ Giấy” của Nguyễn Khuyến	0.25
c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài: Giới thiệu đôi nét về tác giả tác phẩm. 2. Thân bài: - Giới thiệu đôi nét về đặc trưng thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến”. - Phân tích nhan đề tác phẩm: Nhan đề tác phẩm cho ta liên tưởng đến hình ảnh một thứ đồ chơi của trẻ em ngày xưa - Phân tích vẻ bề ngoài và bản chất bên trong của những vị tiến sĩ giấy: nhân vật tiến sĩ giấy xuất hiện với vẻ bề ngoài phô trương và ra oai tự đắc - Phân tích thực trạng tiến sĩ giấy trong xã hội lúc bấy giờ: những cái tên mang danh tiến sĩ ấy không những không làm gì được cho đất nước mà còn tham ô, nịnh nọt - Phân tích thái độ và quan điểm của tác giả đối với vị tiến sĩ giấy: đó chính là nỗi niềm xót xa của chính tác giả đối với hiện thực xã hội lúc bấy giờ 3. Kết bài - Ý nghĩa bài thơ “Tiên sĩ giấy”: bài thơ của Nguyễn Khuyến đã cho chúng ta cái nhìn sâu sắc và thấu đáo về Danh và Thực	0.25
d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về vấn đề đã nghị luận.	0.25
e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25

Lưu ý: học sinh có thể diễn đạt khác nhau, giáo viên cân nhắc và đánh giá cho phù hợp với năng lực học sinh

- **Học sinh khuyết tật trí não** nhận biết được thể loại văn nghị luận văn học
- Biết viết phần mở bài, giới thiệu được tác giả, tác phẩm là đạt
- **Học sinh khuyết tật thể chất** biết tạo lập bài văn nghị luận văn học có mở bài, thân bài, kết bài theo cách hiểu của em chỉ cần đúng nội dung bài thơ